



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : *125* /HEID-CV  
V/v: Công bố BCTC riêng giữa niên độ năm 2018

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi:** Ủy Ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh ( Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ năm 2018 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 01/08/2018).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018  
(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 37
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 37



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Đức Thái	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên	
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/04/2018)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

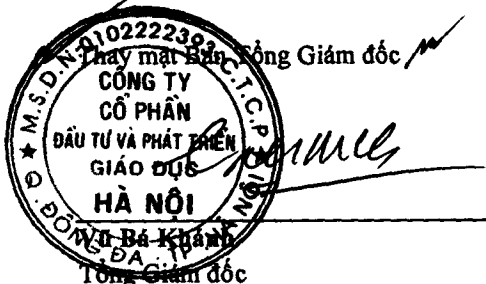
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018



Số: 010818.001/BCTC.KT5

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 01/08/2018, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>384.899.647.995</b>	<b>299.379.239.108</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.928.252.588	38.528.643.901
111	1. Tiền		20.928.252.588	8.528.643.901
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		13.920.250	17.509.750
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(104.856.150)	(101.266.650)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		212.809.679.906	87.864.086.223
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	193.377.951.909	66.256.346.174
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	21.039.783.951	24.419.272.712
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.534.612.547	1.537.106.608
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.142.668.501)	(4.348.639.271)
140	IV. Hàng tồn kho	8	136.702.574.555	161.431.056.210
141	1. Hàng tồn kho		141.191.725.142	165.922.893.965
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.489.150.587)	(4.491.837.755)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.445.220.696	11.537.943.024
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	13.714.705.347	10.815.923.095
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	730.515.349	722.019.929



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>160.641.818.230</b>	<b>169.277.848.541</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		452.951.253	625.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	655.800.000	625.800.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(202.848.747)	-
220	II. Tài sản cố định		5.487.507.887	6.403.631.541
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.487.507.887	6.403.631.541
222	- Nguyên giá		12.024.314.134	11.451.314.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.536.806.247)	(5.047.682.593)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	6.083.658.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	300.000.000	6.083.658.818
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	153.225.250.000	153.727.340.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		127.682.000.000	127.682.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	17.581.750.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(7.094.750.000)	(6.592.660.000)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.176.109.090	2.437.418.182
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.176.109.090	2.437.418.182
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>545.541.466.225</b>	<b>468.657.087.649</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>291.153.983.946</b>	<b>220.769.578.040</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>291.153.983.946</b>	<b>220.769.578.040</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	84.508.690.189	35.032.222.842
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.752.099.567	281.634.141
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.845.890.655	1.201.707.585
314	4. Phải trả người lao động		12.833.883.212	10.013.199.350
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	61.971.303.600	38.489.671.335
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		227.869.122	205.009.377
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	117.200.431.413	129.185.249.702
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.813.816.188	6.360.883.708
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>254.387.482.279</b>	<b>247.887.509.609</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>254.387.482.279</b>	<b>247.887.509.609</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		57.196.141.355	51.835.845.062
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		15.369.519.543	15.369.519.543
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.876.165.433	28.736.489.056
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		25.999.972.670	24.860.296.293
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>545.541.466.225</b>	<b>468.657.087.649</b>



Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng



Bùi Thị Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	364.058.481.299	330.901.284.568
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.561.964.744	3.438.834.233
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		356.496.516.555	327.462.450.335
11	4. Giá vốn hàng bán	22	258.834.263.211	239.915.959.985
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.662.253.344	87.546.490.350
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		440.160.131	338.621.706
22	7. Chi phí tài chính	23	4.074.614.147	3.648.432.622
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.363.866.812	3.628.077.973
25	9. Chi phí bán hàng	24	36.187.401.078	29.831.425.292
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24.130.553.249	21.929.370.550
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.709.845.001	32.475.883.592
31	11. Thu nhập khác		32.764.364	305.358.054
32	12. Chi phí khác		239.865.469	19.494.059
40	13. Lợi nhuận khác		(207.101.105)	285.863.995
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.502.743.896	32.761.747.587
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	7.502.771.226	6.578.570.957
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>25.999.972.670</u>	<u>26.183.176.630</u>



Lương Ngọc Bích  
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình  
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2018	năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		33.502.743.896	32.761.747.587
	2. Điều chỉnh cho các khoản		9.922.603.176	16.298.596.276
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.489.123.654	1.125.936.704
03	- Các khoản dự phòng		5.499.870.309	12.181.989.053
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(430.257.599)	(637.407.454)
06	- Chi phí lãi vay		3.363.866.812	3.628.077.973
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.425.347.072	49.060.343.863
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(124.093.650.976)		(82.739.739.713)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	24.731.168.823		(30.928.113.050)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	80.352.911.928		74.658.330.053
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1.637.473.160)		(5.845.523.969)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.386.561.115)		(3.573.770.288)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(727.058.675)		(376.345.240)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.000.000		110.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.552.067.520)		(4.084.505.179)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.117.616.377	(3.719.323.523)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(663.447.000)	(223.287.000)
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		430.257.599	392.237.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(233.189.401)	6.168.950.000
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		125.691.385.918	154.995.210.379
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(137.676.204.207)		(177.542.710.421)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(19.500.000.000)		(18.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(31.484.818.289)		(40.547.500.042)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

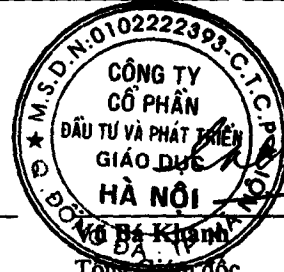
(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(17.600.391.313)	(38.097.873.565)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		38.528.643.901	46.212.417.163
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	20.928.252.588	8.114.543.598

Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới). Đặc điểm này dẫn đến số dư một số khoản mục như Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải trả người bán ngắn hạn, Hàng tồn kho (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Thành phẩm), Chi phí phải trả ngắn hạn tại thời điểm 30/06 hàng năm sẽ tăng mạnh so với thời điểm đầu năm.

Cuối năm 2017, công tác đầu thầu vật tư in diễn ra chậm hơn 01 tháng so với hàng năm, nên vật tư Công ty xuất bán cho các nhà in theo các hợp đồng in trọn gói chủ yếu được thực hiện vào đầu năm 2018. Do đó, doanh thu bán vật tư kỳ này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, đồng thời, giá trị nguyên vật liệu cuối kỳ này giảm mạnh so với đầu năm.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

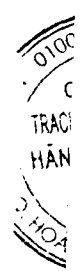
## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi



nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

## 2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất và cho thuê được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

## 2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

1110  
NG T  
HIỆM H  
KIỂM  
AS  
TIỆM



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

#### 2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã



loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.19. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

*Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

### 2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	697.009.182	369.510.561
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.231.243.406	8.159.133.340
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	<b>20.928.252.588</b>	<b>38.528.643.901</b>

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	29.314.588.399	(3.776.688.312)	28.432.271.569	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	19.299.323.234	-	-	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	18.094.737.095	-	-	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	12.355.761.419	(716.449.345)	4.969.627.166	(610.620.052)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hải Dương	7.716.083.635	(410.830.118)	2.393.057.769	(376.964.557)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hà Giang	3.862.593.877	(2.595.487.371)	4.318.387.453	(2.110.991.732)
- Các khách hàng khác	102.734.864.250	(1.643.213.355)	26.143.002.217	(1.250.062.930)
	<b>193.377.951.909</b>	<b>(9.142.668.501)</b>	<b>66.256.346.174</b>	<b>(4.348.639.271)</b>
<b>b) Các bên liên quan</b>	<b>54.448.942.033</b>	<b>(3.776.688.312)</b>	<b>29.606.234.327</b>	<b>-</b>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)				

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dịch vụ sách An Nam	19.353.533.710	-	4.303.512.130	-
- Nhà Máy in Bộ tổng tham mưu	-	-	7.871.064.457	-
- Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ Hà Nội	8.788.670	-	2.552.285.821	-
- Trả trước cho người bán khác	1.677.461.571	-	9.692.410.304	-
	<b>21.039.783.951</b>	<b>-</b>	<b>24.419.272.712</b>	<b>-</b>

## 6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	430.733.500	-	452.583.500	-
Ký cược, ký quỹ	145.179.000	-	-	-
Phải thu khác	6.958.700.047	-	1.084.523.108	-
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội <sup>(1)</sup>	5.874.105.818	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	1.084.594.229	-	1.084.523.108	-
	<b>7.534.612.547</b>	<b>-</b>	<b>1.537.106.608</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	255.800.000	-	225.800.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Trạng nguyên Tiếng Việt	400.000.000	(202.848.747)	400.000.000	-
	<b>655.800.000</b>	<b>(202.848.747)</b>	<b>625.800.000</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Ngày 22/06/2018, đại diện các bên góp vốn vào Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (bao gồm Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc và Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội) đã họp và thống nhất sẽ cùng nhau tìm đối tác để chuyển nhượng dự án, thu hồi tiền đã đầu tư với giá chuyển nhượng ít nhất phải bằng số tiền vốn góp. Do đó, tại thời điểm 30/06/2018, Công ty phân loại khoản góp vốn vào Dự án này sang theo dõi trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (xem thêm thuyết minh số 11).

## 7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	12.588.961.040	8.812.272.728	12.588.961.040	12.588.961.040
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	3.862.593.877	1.267.106.506	4.318.387.453	2.207.395.721
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	2.060.476.929	1.344.027.584	2.035.400.173	1.424.780.121
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương	1.369.433.726	958.603.608	1.256.548.523	879.583.966
Các đối tượng khác	3.789.337.495	1.943.275.393	2.954.482.191	1.704.419.261
	<b>23.670.803.067</b>	<b>14.325.285.819</b>	<b>23.153.779.380</b>	<b>18.805.140.109</b>

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu <sup>(i)</sup>	30.747.340.604	-	59.234.355.379	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang <sup>(ii)</sup>	11.435.639.772	-	7.850.898.448	-
Thành phẩm <sup>(ii)</sup>	68.986.444.975	(4.489.150.587)	26.481.391.788	(4.491.837.755)
Hàng hoá <sup>(ii)</sup>	26.779.373.128	-	64.519.340.793	-
Hàng gửi đi bán	3.242.926.663	-	7.836.907.557	-
	<b>141.191.725.142</b>	<b>(4.489.150.587)</b>	<b>165.922.893.965</b>	<b>(4.491.837.755)</b>

<sup>(i)</sup> Cuối năm 2017, công tác đầu thầu vật tư in diễn ra chậm hơn 01 tháng so với hàng năm nên vật tư Công ty xuất bán cho các nhà in theo các hợp đồng in trọn gói chủ yếu được thực hiện vào đầu năm 2018. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu cuối kỳ này giảm mạnh so với đầu năm.

<sup>(ii)</sup> Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, do tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm tại thời điểm 30/06/2018 tăng đột biến so với đầu năm. Đồng thời, việc tập trung xuất bản sách chuẩn bị cho năm học mới nên giá trị hàng hóa giảm mạnh so với đầu năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ <sup>(i)</sup>	8.453.504.657	10.284.397.759
- Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	1.422.306.766	216.900.001
- Chi phí bản thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ <sup>(ii)</sup>	3.838.893.924	314.625.335
	<b>13.714.705.347</b>	<b>10.815.923.095</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí thuê kho	1.176.109.090	2.437.418.182
	<b>1.176.109.090</b>	<b>2.437.418.182</b>

<sup>(i)</sup> Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

<sup>(ii)</sup> Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.011.260.988	440.053.146	11.451.314.134
- Mua trong kỳ	-	573.000.000	573.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.011.260.988</b>	<b>1.013.053.146</b>	<b>12.024.314.134</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.696.619.312	351.063.281	5.047.682.593
- Khấu hao trong kỳ	1.369.508.892	119.614.762	1.489.123.654
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.066.128.204</b>	<b>470.678.043</b>	<b>6.536.806.247</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	6.314.641.676	88.989.865	6.403.631.541
Tại ngày cuối kỳ	<b>4.945.132.784</b>	<b>542.375.103</b>	<b>5.487.507.887</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.232.750.216 VND.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẠNG**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội <sup>(i)</sup>	-	5.783.658.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa <sup>(ii)</sup>	300.000.000	300.000.000
	<b>300.000.000</b>	<b>6.083.658.818</b>

<sup>(i)</sup> Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên khác gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Dự án này đã được các bên góp vốn thống nhất sẽ thực hiện chuyển nhượng dự án để thu hồi tiền đã đầu tư. Do đó, Công ty đã phân loại lại khoản góp vốn này sang khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (xem tại thuyết minh 6).

<sup>(ii)</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa". Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

## 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

### a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>127.682.000.000</b>	<b>-</b>	<b>127.682.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
- Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	2.682.000.000	-	2.682.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>14.056.250.000</b>	<b>-</b>	<b>14.056.250.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>17.581.750.000</b>	<b>(7.094.750.000)</b>	<b>17.581.750.000</b>	<b>(6.592.660.000)</b>
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục <sup>(i)</sup>	10.369.250.000	(7.094.750.000)	10.369.250.000	(6.592.660.000)
	<b>159.320.000.000</b>	<b>(7.094.750.000)</b>	<b>159.320.000.000</b>	<b>(6.592.660.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

<sup>(i)</sup> Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) được Công ty trích lập dự phòng căn cứ theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu Công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM vào ngày 29/06/2018 là 3.000 đồng/cổ phiếu.

### Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,4%	89,4%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

### Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học



**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**  
Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BĐS; Đầu tư tài chính

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu <sup>(ii)</sup>	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

<sup>(ii)</sup> Công ty mua 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	17.549.342.735	17.549.342.735	-	-
- Công ty CP Giấy Phụng Vinh Hưng	7.436.049.122	7.436.049.122	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	59.523.298.332	59.523.298.332	35.032.222.842	35.032.222.842
	<b>84.508.690.189</b>	<b>84.508.690.189</b>	<b>35.032.222.842</b>	<b>35.032.222.842</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>28.172.695.367</b>	<b>28.172.695.367</b>	<b>531.810.340</b>	<b>531.810.340</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo người mua có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Bắc Ninh	2.006.957.910	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	1.978.871.280	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	766.270.377	281.634.141
	<b>4.752.099.567</b>	<b>281.634.141</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước là bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>2.376.154.860</b>	<b>-</b>

**NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

**Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	429.369.694	1.563.513.700	770.109.492	-	1.222.773.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.638.461	-	7.502.771.226	727.058.675	-	6.586.074.090
Thuế thu nhập cá nhân	527.538.468	772.337.891	2.658.998.076	3.592.427.185	725.672.349	37.042.663
Các loại thuế khác	4.843.000	-	3.000.000	3.000.000	4.843.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	220.059.469	220.059.469	-	-
	<b>722.019.929</b>	<b>1.201.707.585</b>	<b>11.948.342.471</b>	<b>5.312.654.821</b>	<b>730.515.349</b>	<b>7.845.890.655</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	54.505.408	77.199.711
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản	56.758.725.476	35.587.215.454
Trích trước chi phí vận chuyển	1.501.423.038	289.497.925
Chi phí phải trả khác	3.656.649.678	2.535.758.245
	<b>61.971.303.600</b>	<b>38.489.671.335</b>

17. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
			VND	VND		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	74.560.075.423	74.560.075.423	120.249.621.078	126.208.062.779	68.601.633.722	68.601.633.722
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	43.357.032.851	43.357.032.851	5.441.764.840	200.000.000	48.598.797.691	48.598.797.691
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	11.268.141.428	11.268.141.428	-	11.268.141.428	-	-
	<b>129.185.249.702</b>	<b>129.185.249.702</b>	<b>125.691.385.918</b>	<b>137.676.204.207</b>	<b>117.200.431.413</b>	<b>117.200.431.413</b>

a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2018	01/01/2018
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	5,50%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	68.601.633.722	74.560.075.423
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	VND	5,50%	Tín chấp	48.598.797.691	43.357.032.851
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	-	11.268.141.428
				<b>117.200.431.413</b>	<b>129.185.249.702</b>

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan

Khoản vay đối với các bên liên quan của Công ty trong kỳ là khoản vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con), trong đó: Gốc vay tại thời điểm 01/01/2018 và 30/06/2018 lần lượt là 43.357.032.851 VND và 48.598.797.691 VND; Chi phí lãi vay phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 lần lượt là 911.113.441 VND và 1.240.335.322 VND.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	41.745.936.703	13.593.784.094	28.414.630.223	235.700.006.968
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	26.183.176.630	26.183.176.630
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.538.437.460	-	(6.538.437.460)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>48.284.374.163</b>	<b>13.593.784.094</b>	<b>30.059.369.393</b>	<b>243.883.183.598</b>
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	51.835.845.062	15.369.519.543	28.736.489.056	247.887.509.609
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	25.999.972.670	25.999.972.670
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.360.296.293	-	(5.360.296.293)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>57.196.141.355</b>	<b>15.369.519.543</b>	<b>29.876.165.433</b>	<b>254.387.482.279</b>

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

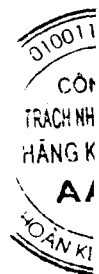
	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2017 trên Báo cáo tài chính riêng		35.514.708.989
Đã tạm phân phối trong năm 2017 như sau		10.654.412.696
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.775.735.449
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.775.735.449
Phân phối phần lợi nhuận năm 2017 còn lại trong kỳ này		24.860.296.293
- Trích Quỹ đầu tư phát triển		5.360.296.293
- Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)	13%/cổ phần	19.500.000.000
Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối		-

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,05%	11.665.890.000	7,78%
Peter Eric Dennis	7.849.000.000	5,23%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	74.323.110.000	49,55%	70.272.110.000	46,85%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	19.500.000.000	18.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	18.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối kỳ	-	-



**NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**e) Các quỹ của công ty**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	57.196.141.355	51.835.845.062
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	15.369.519.543	15.369.519.543
	<b>72.565.660.898</b>	<b>67.205.364.605</b>

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 30/06/2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	8.196.753.591	7.879.650.909
- Từ 1 năm đến 5 năm	21.400.530.909	20.009.730.909
- Trên 5 năm	2.481.316.364	4.962.632.727

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	235.608.389.388	186.150.513.617
Doanh thu bán sách tham khảo	46.106.876.932	63.038.365.240
Doanh thu bán vật tư	40.594.578.783	17.711.832.737
Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	41.748.636.196	64.000.572.974
	<b>364.058.481.299</b>	<b>330.901.284.568</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>56.883.979.955</b>	<b>52.526.411.321</b>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.225.570.980	1.457.087.079
Hàng bán bị trả lại	1.336.393.764	1.981.747.154
	<b>7.561.964.744</b>	<b>3.438.834.233</b>

**NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	143.671.522.926	124.095.603.034
Giá vốn bán sách tham khảo	37.344.277.291	40.739.039.675
Giá vốn bán vật tư	41.757.623.755	18.704.477.379
Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	36.063.526.407	50.740.657.597
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(2.687.168)	5.636.182.300
	<b>258.834.263.211</b>	<b>239.915.959.985</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.363.866.812	3.628.077.973
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	708.528.247	(4.680.000)
Chi phí tài chính khác	2.219.088	25.034.649
	<b>4.074.614.147</b>	<b>3.648.432.622</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.904.236	276.649.611
Chi phí nhân công	15.202.677.483	14.847.022.742
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	306.784.841	264.144.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	186.041.520	180.151.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.811.027.823	10.649.049.163
Chi phí khác bằng tiền	9.540.965.175	3.614.408.040
	<b>36.187.401.078</b>	<b>29.831.425.292</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.960.033.720	490.995.180
Chi phí nhân công	7.596.175.480	7.767.503.038
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	175.833.827	136.679.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.303.082.134	945.785.186
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	4.794.029.230	6.550.486.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.763.703.443	3.807.022.275
Chi phí khác bằng tiền	2.534.695.415	2.227.898.536
	<b>24.130.553.249</b>	<b>21.929.370.550</b>



**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	33.502.743.896	32.761.747.587
Các khoản điều chỉnh tăng	497.193.857	252.859.700
- Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ VND	177.328.389	166.235.450
- Các khoản tiền phạt	239.865.469	6.624.248
- Lương HDQT không trực tiếp điều hành	79.999.999	80.000.002
Các khoản điều chỉnh giảm	(121.375.000)	(121.752.500)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(121.375.000)	(121.752.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	33.878.562.753	32.892.854.787
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	727.058.675	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>7.502.771.226</b>	<b>6.578.570.957</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(189.638.461)	(5.713.582)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(727.058.675)	(376.345.240)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>6.586.074.090</b>	<b>6.196.512.135</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.129.449.210	111.294.942.141
Chi phí nhân công	22.798.852.963	24.948.245.005
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	482.618.668	400.823.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.489.123.654	1.125.936.704
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	4.794.029.230	6.550.486.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.315.792.697	71.139.813.646
Chi phí khác bằng tiền	12.075.660.590	5.841.639.396
	<b>236.088.527.012</b>	<b>221.304.887.445</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.928.252.588	-	38.528.643.901	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	201.568.364.456	(9.345.517.248)	68.419.252.782	(4.348.639.271)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(104.856.150)	118.776.400	(101.266.650)
Đầu tư dài hạn	10.369.250.000	(7.094.750.000)	10.369.250.000	(6.592.660.000)
	<b>233.984.643.444</b>	<b>(16.545.123.398)</b>	<b>118.435.923.083</b>	<b>(11.042.565.921)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	117.200.431.413	129.185.249.702
Phải trả người bán, phải trả khác	84.736.559.311	35.237.232.219
Chi phí phải trả	61.971.303.600	38.489.671.335
	<b>263.908.294.324</b>	<b>202.912.153.256</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	13.920.250	-	-	13.920.250
Đầu tư dài hạn	-	3.274.500.000	-	3.274.500.000
	<b>13.920.250</b>	<b>3.274.500.000</b>	<b>-</b>	<b>3.288.420.250</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	17.509.750	-	-	17.509.750
Đầu tư dài hạn	-	3.776.590.000	-	3.776.590.000
	<b>17.509.750</b>	<b>3.776.590.000</b>	<b>-</b>	<b>3.794.099.750</b>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Tiền	20.928.252.588	-	-	20.928.252.588
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.769.895.955	452.951.253	-	192.222.847.208
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>212.698.148.543</b>	<b>452.951.253</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>214.151.099.796</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.528.643.901	-	-	38.528.643.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.444.813.511	625.800.000	-	64.070.613.511
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>101.973.457.412</b>	<b>625.800.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>103.599.257.412</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	117.200.431.413	-	-	117.200.431.413
Phải trả người bán, phải trả khác	84.736.559.311	-	-	84.736.559.311
Chi phí phải trả	61.971.303.600	-	-	61.971.303.600
	<b>263.908.294.324</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>263.908.294.324</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	129.185.249.702	-	-	129.185.249.702
Phải trả người bán, phải trả khác	35.237.232.219	-	-	35.237.232.219
Chi phí phải trả	38.489.671.335	-	-	38.489.671.335
	<b>202.912.153.256</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>202.912.153.256</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

**30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17):

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2018	năm 2017
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		<b>56.883.979.955</b>	<b>52.526.411.321</b>
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	1.937.731.877	419.311.917
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	28.176.208.695	20.128.087.070
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	53.955.440	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.025.619	4.583.203.410
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	6.389.551.416	2.330.914.010
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	4.085.434.581	3.855.402.666
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	3.600.316.420	322.241.427
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	5.624.221.130	8.393.902.587
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	2.829.036.090	1.521.045.019
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	447.510.921	2.798.290.124
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.682.800	3.780.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	264.336.440	50.142.858
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	206.718.156	3.382.999.122
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	21.303.200	649.860.151
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	2.841.080	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Điện Biên	Cùng Tập đoàn	3.240.106.090	4.087.230.960
<b>Mua vật tư, hàng hóa</b>		<b>15.950.399.974</b>	<b>9.667.804.232</b>
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	58.115.400	2.328.790.514
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	75.263.618	48.747.605
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	163.653.695	206.639.794
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	3.450.713.892	432.050.988
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	68.721.860	34.009.840
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	50.889.600	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	20.594.634	26.994.330
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.520.964.984	2.061.153.207
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.480.277.794	1.820.020.724

**NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
		VND	VND
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	4.186.599.400	149.323.230
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	4.850.420.397	2.535.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	24.184.700	25.074.000
<b>Chi phí tổ chức bán thảo, biên tập, quản lý xuất bản</b>		<b>40.219.928.642</b>	<b>39.386.860.544</b>
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	302.912.676	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.554.345.786	3.600.405.873
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	37.362.670.180	35.786.454.671
<b>Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng</b>		<b>2.771.980.817</b>	<b>2.529.095.456</b>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	2.660.745.362	2.152.022.728
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.508.182	272.345.455
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	104.727.273	104.727.273
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		<b>121.250.000</b>	<b>121.250.000</b>
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:</b>			
	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>54.448.942.033</b>	<b>29.606.234.327</b>
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	1.367.733.901	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	18.094.737.095	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	1.352.497.233	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	1.754.471.239	598.682.500
Công ty CP Đầu tư Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.841.080	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.794.511.620	186.610.798
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	651.439.780	387.103.340
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.682.800	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	7.440.000	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	103.432.766	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.566.120	1.566.120
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	29.314.588.399	28.432.271.569
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>2.376.154.860</b>	<b>-</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	397.283.580	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.978.871.280	-

35  
TY  
HỮU  
MTC  
SC  
TP

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>28.172.695.367</b>	<b>531.810.340</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	17.549.342.735	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	19.583.982	-
Công ty CP Đầu tư Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	50.889.600	-
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	1.863.057.813	-
Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	2.755.393.252	26.628.632
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	2.454.621.257	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.989.797.698	505.181.708
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	167.488.800	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	322.520.230	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	583.177.334	610.861.345
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.727.320.432	1.675.190.954

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	35.032.222.842	78.389.255.693
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	129.185.249.702	85.828.216.851



Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018